

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
 Tel : 08.9142671

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
 Ngày 20/03/2006

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

QUÝ III/2014

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	số quý này (năm nay)	số quý này (năm trước)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1	2	3	4	5	4
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	1	9,981,093,903	9,854,111,747	28,982,554,055	32,025,698,808
1. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp DV	10	9,981,093,903	9,854,111,747	28,982,554,055	32,025,698,808
2. Giá vốn hàng bán	11	9,736,217,843	9,042,144,036	28,217,728,795	29,814,998,980
3. Lợi nhuận gộp về hàng bán & cung cấp DV	20	244,876,060	811,967,711	764,825,260	2,210,699,828
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,169,602	56,186,217	103,726,072	157,909,647
5. Chi phí tài chính	22	197,666,104	274,793,112	2,917,039,103	939,014,412
<i>Trong đó: lãi vay phải trả</i>	23	<i>170,578,870</i>	<i>273,360,612</i>	<i>664,145,586</i>	<i>929,610,612</i>
6. Chi phí bán hàng	24			0	0
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,361,961,417	1,492,251,276	4,552,550,246	4,207,168,590
8. Lợi tức thuần từ hoạt động KD	30	(1,312,581,859)	(898,890,460)	(6,601,038,017)	(2,777,573,527)
9. Thu nhập khác	31	219,776,055	201,320,744	522,218,282	895,586,143
10. Chi phí khác	32	281,872,613	147,095,686	456,537,261	782,473,088
11. Lợi nhuận khác	40	(62,096,558)	54,225,058	65,681,021	113,113,055



CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	số quý này (năm nay)	số quý này (năm trước)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý nay (năm trước)
12. Tổng lợi tức trước thuế	50	(1,374,678,417)	(844,665,402)	(6,535,356,996)	(2,664,460,472)
13.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			0	0
13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			0	0
14. Lợi nhuận sau thuế	60	(1,374,678,417)	(844,665,402)	(6,535,356,996)	(2,664,460,472)

Thuế thu nhập DN được miễn giảm theo CV số 227/CT-TTHT, V/v miễn giảm thuế TNDN của Tổng Cục Thuế, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Kế toán Trưởng



HUỲNH THANH DIỄM TRANG



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		22,189,602,523	20,029,105,915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,852,283,744	591,585,217
1. Tiền	111	I.1	1,852,283,744	591,585,217
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	I.2	17,489,542,559	16,830,010,044
1. Phải thu của khách hàng	131		14,626,230,174	14,872,085,289
2. Trả trước cho người bán	132		3,127,071,885	3,470,265,250
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	I.3	22,146,279,280	21,465,464,725
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(22,410,038,780)	(22,977,805,220)
IV. Hàng tồn kho	140		362,342,124	377,394,060
1. Hàng hóa tồn kho	141	I.3	457,627,946	472,679,882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95,285,822)	(95,285,822)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,485,434,096	2,230,116,594
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	I.4	1,223,165,432	824,110,606
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45,099,144	45,099,143
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	I.5	13,715,362	83,538,773
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	I.6	1,203,454,158	1,277,368,072
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250)	200		52,292,480,343	55,541,565,951

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		39,888,855,801	43,660,123,348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	I.8	25,352,781,439	29,124,048,986
- Nguyên giá	222		53,976,569,222	53,976,569,222
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28,623,787,783)	(24,852,520,236)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,750,000,000	13,750,000,000
- Nguyên giá	228		13,750,000,000	13,750,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		786,074,362	786,074,362
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	I.7	7,107,318,966	8,405,667,028
1. Đầu tư vào công ty con	251		8,325,651,028	8,325,651,028
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6,830,561,455	5,876,016,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8,048,893,517)	(5,796,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,296,305,576	3,475,775,575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	I.9	2,123,732,032	303,202,031
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	I.10	1,570,101,744	1,570,101,744
3. Tài sản dài hạn khác	268	I.11	1,602,471,800	1,602,471,800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		74,482,082,866	75,570,671,866

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		27,635,614,183	22,188,846,187
I. Nợ ngắn hạn	310		25,584,320,220	13,655,980,264
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		7,058,286,960	887,400,000
2. Phải trả người bán	312		1,216,591,571	1,608,529,633
3. Người mua trả tiền trước	313		53,314,380	257,075,451
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	I.12	1,428,756,386	647,938,841
5. Phải trả người lao động	315		827,772,021	812,693,151
6. Chi phí phải trả	316	I.13	2,433,554,525	2,694,201,277
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	I.14	12,566,044,377	6,748,141,911
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		2,051,293,963	8,532,865,923
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	I.15	1,998,647,350	1,980,447,350
4. Vay và nợ dài hạn	334			6,508,486,960
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		52,646,613	43,931,613
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	I.16	46,846,468,683	53,381,825,679
I. Vốn chủ sở hữu	410		46,846,468,683	53,381,825,679
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			

BẢNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	MS	Luỹ kế Quý III/2014	Luỹ kế Quý III/2013
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6,535,356,996)	(2,664,460,472)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,771,267,547	3,692,097,955
Các khoản dự phòng	03	1,685,132,602	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(718,019)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(103,008,054)	(142,825,322)
Chi phí lãi vay	06	664,145,586	929,610,612
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi VLD	08	(518,537,334)	1,814,422,773
Tăng giảm các khoản phải thu	09	1,786,040,605	5,254,238,428
Tăng giảm hàng tồn kho	10	15,051,936	25,504,994
Tăng giảm các khoản phải trả	11	1,652,242,300	(8,005,544,497)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2,219,584,827)	(873,770,217)
Tiền lãi vay đã trả	13	(648,084,726)	(929,610,612)
Tiền thuế TNDN đã nộp	14		(139,907,244)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,960,800,000	822,000,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(577,226,800)	(687,950,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	1,450,701,154	(2,720,616,375)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	0	(635,110,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	796,868,186
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		

Chỉ tiêu	MS	Lũy kế Quý III/2014	Lũy kế Quý III/2013
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		
6. Tiền thu góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	103,008,054	157,909,647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	103,008,054	319,667,833
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ Sở hữu, mua lại cổ phiếu của D	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	850,000,000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,137,600,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,128,700)	(1,562,680,455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	(293,728,700)	(1,562,680,455)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 +30 +40)	50	1,259,980,508	(3,963,628,997)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	591,585,217	6,525,341,375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	718,019	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 +60+61)	70	1,852,283,744	2,561,712,378

Tp.HCM, ngày 28 tháng 11 năm 2014

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH DIỄM TRANG



NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN:

Công Ty Cổ Phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công Ty cổ Phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist, Số ĐKKD : 301864, do trọng tài kinh tế cấp ngày 28/04/1994. Hiện nay, Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2013)

Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hoá chất (trừ hoá chất độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn, thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn – tấm, sắt thép phiếu liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe (bê tông), xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá trong nước và xuất khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hoá;
- Môi giới thương mại, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý bán vé tàu hoả. Kinh doanh kho bãi, đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Mua bán hoá mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giấy;
- In trên bao bì (không kinh doanh tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe./.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo Tài chính kèm theo được lập cho từ 01/07/2014 đến 30/09/2014.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập báo cáo Tài chính cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc 'Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư Tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp', và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

3.6 SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết định chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỉ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau :

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

3.7 CÁC ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN:

Các khoản đầu tư dài hạn là các khoản cho vay và các khoản đầu tư mua cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phân ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Tổng giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

3.9 GHI NHẬN DOANH THU:

Doanh thu được xác định khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty cổ phần vận chuyển Sài Gòn Tourist được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo công văn số 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 07 năm kể từ năm 2007. Năm 2009 là năm cuối cùng của Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công cụ nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoảng thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BẢO CÁO CÁC BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành,...

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Tiền mặt	597,254,001	241,593,001
_ Tiền gửi ngân hàng	1,255,029,743	349,992,216
_ Các khoản tương đương tiền (*)		
Cộng	1,852,283,744	591,585,217

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Phải thu khách hàng(*)	14,626,230,174	14,872,085,289
_ Trả trước cho người bán	3,127,071,885	3,470,265,250
_ Các khoản phải thu khác (**)	22,146,279,280	21,465,464,725
Cộng	39,899,581,339	39,807,815,264
_ Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (***)	(22,410,038,780)	(22,977,805,220)
Cộng	17,489,542,559	16,830,010,044

(*) Các khoản phải thu khách hàng chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Cty Điện Lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	938,241,500	986,783,900
_ Công ty BP	74,371,040	102,267,840
_ Cty TNHH MTV TM DL Sài Gòn	383,018,740	984,873,234
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	9,727,015,124	9,727,015,124
_ Ngân hàng ANZ	93,280,000	236,190,000
_ Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
_ Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	24,900,000	24,900,000
_ Cty TNHH MTV DV Bảo Vệ Long Vân	705,748,000	
_ Các khoản phải thu khách hàng khác	2,401,619,295	2,532,018,716
Cộng	14,626,230,174	14,872,085,289

(**) Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
_ Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	11,733,148,585	12,118,243,735
_ Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,562,225,940	2,762,225,940
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	45,600,000	45,600,000
_ Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	370,000,000	370,000,000
_ Công ty TNHH MTV TMDL Sài Gòn	1,083,672,769	821,534,969
_ CN Công ty CP VC Sài Gòn Tourist tại HN	513,321,396	513,321,396
_ BHXH, BHYT, BHTN phải thu của tài xế taxi	751,332,122	287,903,271
_ Pacific Airline về tiền vé máy bay	22,105,152	3,347,996
_ Doanh thu chưa thực hiện	52,646,613	43,931,613
_ Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang		2,177,147,112
_ Công ty TNHH SX TM XNK Tây Nam	3,500,000,000	
_ Phải thu khác	1,512,226,703	2,322,208,693
Cộng	22,146,279,280	21,465,464,725

(***) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Tại 30/09/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
_ Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,762,225,940	2,762,225,940
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	8,651,291,232	7,320,419,281
_ Cty XNK Việt Tiếp	1,402,467,418	1,402,467,418
_ Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
_ Cty TNHH XD TM DV & XNK Nhất Việt	43,121,800	
_ Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	36,900,000	36,900,000
_ Cty TNHH XD TM DV Toàn Gia Thịnh	345,973,347	328,902,238
_ Cty CP Đầu Tư Tài Chính Đất Việt	6,596,016,454	8,051,622,838
_ Cty TNHH ĐT PT Thủ Thiêm	1,229,175,114	1,229,175,114
_ Cty Cổ Phần Tâm Nhìn	138,900,000	138,900,000
_ Cty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	370,000,000	370,000,000
_ Cty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	(677,147,112)	677,147,112
_ Dự phòng các khoản phải thu của các Cty khác	1,233,078,112	382,008,804
Cộng	22,410,038,780	22,977,805,220

3. Hàng tồn kho :

	Tại 30/09/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
_ Nguyên liệu , vật liệu	433,031,093	439,769,029
_ Công cụ, dụng cụ	24,596,853	32,910,853
Cộng	457,627,946	472,679,882
_ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95,285,822)	(95,285,822)
Cộng	362,342,124	377,394,060

4. Chi phí trả trước ngắn hạn:

	Tại 30/09/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
_ Công cụ , dụng cụ xuất dùng	301,044,581	350,672,342
_ Chi phí chờ kết chuyển	922,120,851	473,438,264
Cộng	1,223,165,432	824,110,606

5. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Thuế GTGT được khấu trừ	45,099,144	45,099,144
_ Thuế khác	13,715,362	83,538,773
Cộng	58,814,506	128,637,917

6. Tài sản ngắn hạn khác:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Tạm ứng	446,354,158	471,154,672
_ Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	757,100,000	806,213,400
Cộng	1,203,454,158	1,277,368,072

7. Đầu tư tài chính dài hạn:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Đầu tư vào Cty Con	8,325,651,028 (*)	8,325,651,028
_ Đầu tư tài chính dài hạn khác	6,830,561,455 (**)	5,876,016,000
Cộng	15,156,212,483 (***)	14,201,667,028
_ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(8,048,893,517)	(5,796,000,000)
Cộng	7,107,318,966	8,405,667,028

(*) Khoản đầu tư vào Công ty con chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Đầu tư vào Cty Con - Cty TNHH MTV DV BV Long Vân	2,482,327,273	2,482,327,273
_ Đầu tư vào Cty Con - Cty TNHH MTV TMDL Sài Gòn	5,843,323,755	5,843,323,755
Cộng	8,325,651,028	8,325,651,028

(**) Khoản đầu tư dài hạn khác chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Tập đoàn Radius	80,016,000	80,016,000
_ Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương	5,796,000,000	5,796,000,000
_ Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	954,545,455	
Cộng	6,830,561,455	5,876,016,000

(***) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Cty TNHH MTV DV BV Long Vân (lỗi lũy kế)	(1,127,667,361)	
_ Cty TNHH MTV TMDL Sài Gòn (lỗi lũy kế)	(1,125,226,156)	
_ Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương	(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
Cộng	(8,048,893,517)	(5,796,000,000)

CTY CỔ PHẦN VẠN CHUYỀN SÀI GÒN TOURIST
Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐHH						
Tại ngày 01/01/2014	1,339,428,880	187,861,509	52,244,547,780	204,731,053	-	53,976,569,222
_ Mua trong Năm	-	-	-	-	-	0
_ Tặng Khác	-	-	-	-	-	0
_ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	0
_ Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	1,339,428,880	187,861,509	52,244,547,780	204,731,053	-	53,976,569,222
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	1,065,284,294	187,861,509	23,401,308,750	198,065,683	-	24,852,520,236
_ Khấu hao trong năm	6,425,262	-	3,762,267,484	2,574,801	-	3,771,267,547
_ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	0
_ Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	1,071,709,556	187,861,509	27,163,576,234	200,640,484	-	28,623,787,783
Giá trị còn lại của TSCĐHH						
Tại ngày đầu năm	274,144,586	0	28,843,239,030	6,665,370	-	29,124,048,986
Tại ngày cuối kỳ	267,719,324	0	25,080,971,546	4,090,569	-	25,352,781,439

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chi phí sửa chữa nhà 25 Pasteur	36,300,000	45,300,000
_ Chi phí thiết kế sân tập lái	33,821,591	65,321,591
_ Chi phí làm lề đường, sân tập lái xe tại Củ Chi	125,000,000	156,500,000
_ Chi phí sửa chữa công trình Lê Đức Thọ	1,903,931,597	
_ Công cụ dụng cụ	24,678,844	36,080,440
Cộng	2,123,732,032	303,202,031

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chênh lệch tạm thời	7,850,508,719	7,850,508,719
_ Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1,570,101,744	1,570,101,744

11. Tài sản dài hạn khác :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Ký quỹ xuất khẩu lao động	100,000	100,000
_ Ký quỹ lưu hành quốc tế	250,000,000	250,000,000
_ Ký quỹ lưu hành nội địa	51,353,274	51,353,274
_ Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500,000,000	500,000,000
_ Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Nhất Việt	43,121,800	43,121,800
_ Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Trần Việt	70,000,000	70,000,000
_ Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Huy Hoàng Hà	372,000,000	372,000,000
_ Ký quỹ tiền thuê mặt bằng - Cty CP May Nam Phú	317,250,000	317,250,000
_ Ký quỹ Vietcombank	(1,353,274)	(1,353,274)
Cộng	1,602,471,800	1,602,471,800

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Thuế GTGT	257,307,695	
_ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	433,176,482	433,176,482
_ Các loại thuế khác	2,500,000	
_ Thuế nhà đất và tiền thuê đất	735,772,209	214,762,359
Cộng	1,428,756,386	647,938,841

13. Chi phí phải trả :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chi phí thuê mặt bằng	909,280,000	909,280,000
_ Chi phí đào tạo lái xe	201,622,330	187,916,000

13. Chi phí phải trả (tt)

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chi phí dịch vụ lữ hành	13,949,091	13,949,091
_ Chi phí của CN Hà Nội	463,591,781	463,591,781
_ Chi phí xe du lịch	199,164,167	235,458,152
_ Chi phí vé giữ xe	85,399,090	219,002,089
_ Chi phí khác	560,548,066	665,004,164
Cộng	2,433,554,525	2,694,201,277

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Cổ tức năm 2008 chưa chi	412,000,657	412,000,657
_ Cổ tức năm 2010 chưa chi	2,443,460,013	2,463,730,413
_ Cổ tức năm 2011 chưa chi	851,461,245	837,319,545
_ Phải trả Cục quản lý lao động ngoài nước	665,253,000	665,253,000
_ Phải trả Hội Đồng Quản Trị	495,000,000	525,000,000
_ Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	3,000,000,000	
_ Phải trả Kinh phí công đoàn	280,096,672	
_ Công ty TNHH ĐT và Xây Dựng Sài Việt	111,000,000	
_ VP KV Miền Nam- Hãng HK Quốc Gia Việt Nam	240,443,622	
_ Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,067,329,168	1,844,838,296
Cộng	12,566,044,377	6,748,141,911

15. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Nhận ký quỹ của NH TNHH MTV ANZ (Việt Nam)		58,900,000
_ Nhận ký quỹ của Australian Trade Commiccion	19,500,000	19,500,000
_ Nhận ký quỹ của VP Đại Diện CN Quảng Ninh	5,000,000	5,000,000
_ Nhận ký quỹ của Cty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	150,000,000	150,000,000
_ Nhận ký quỹ - Trung tâm xe Du Lịch	31,400,000	31,400,000
_ Nhận ký quỹ của lái xe du lịch và lái xe taxi	1,792,747,350	1,715,647,350
Cộng	1,998,647,350	1,980,447,350

16.1 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23,284,940,000	23,284,940,000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa		12,158,740,000
Vốn góp của các đối tượng khác	56,715,060,000	44,556,320,000
	80,000,000,000	80,000,000,000

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP)

16.2. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	80,000,000,000		2,052,178,753		(28,670,353,074)	53,381,825,679
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	(6,535,356,996)	(6,535,356,996)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	0
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	0
- Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000	-	2,052,178,753	-	(35,205,710,070)	46,846,468,683

16.3 Cổ phần

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
• Số lượng cổ phần phổ thông đang ký phát hành	8,000,000	8,000,000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8,000,000	8,000,000
• Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại		
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/Cổ phần		

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,981,093,903	9,854,111,747
Trong đó:		
_ Doanh thu dịch vụ lữ hành		
_ Doanh thu vận chuyển	7,909,761,118	8,296,599,329
_ Doanh thu khác	2,071,332,785	1,557,512,418
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
_ Chiết khấu thương mại		
_ Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,981,093,903	9,854,111,747

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
_ Giá vốn dịch vụ lữ hành		
_ Giá vốn dịch vụ vận chuyển	7,643,235,169	7,290,461,930
_ Giá vốn dịch vụ khác	2,092,982,674	1,751,682,106
Cộng	9,736,217,843	9,042,144,036

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
_ Lãi tiền gửi, tiền cho vay		41,427,322
_ Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
_ Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,169,602	14,758,895
Cộng	2,169,602	56,186,217

4. Chi phí tài chính

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
_ Chi phí lãi vay	170,578,870	273,360,621
_ Tiền lãi ký quỹ tài xế		1,432,491
_ Chi phí hoạt động tài chính khác	27,087,234	
Cộng	197,666,104	274,793,112

5. Thu nhập khác

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
_ Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
_ Thu phạt, bồi thường		
_ Thu nhập khác	219,776,055	201,320,744
Cộng	219,776,055	201,320,744

6. Chi phí khác

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
_ Chi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định - xe		
_ Chi phí khác	281,872,613	147,095,686
Cộng	281,872,613	147,095,686

7/ Thông tin về các bên liên quan

■ Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, Các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	Cổ đông
2. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	Công ty con

■ Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ

	Quý III/2014	Quý III/2013
Doanh thu	743,015,709	724,627,995
Mua hàng	283,893,448	
Góp vốn	-	-

■ Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc

	Quý III/2014	Quý III/2013
Lương Ban TGD của Công ty	102,291,000	102,291,000
Lương của các nhân viên chủ chốt của Công ty	164,256,000	164,091,612
Tổng cộng	266,547,000	266,382,612

8/ Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

	Quý III/2014	Quý III/2013
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	511,327,276	679,136,364

9/ Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Quý III/2014	Quý III/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,852,283,744	3,915,728,640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36,772,509,454	33,446,545,562
Đầu tư dài hạn	7,107,318,966	8,053,163,112
Tổng cộng	45,732,112,164	45,415,437,314

	Giá trị ghi sổ	
	Quý III/2014	Quý III/2013
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7,058,286,960	9,000,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	13,782,635,948	7,985,095,775
Chi phí phải trả	2,433,554,525	3,335,577,948
Tổng cộng	23,274,477,433	20,320,673,723

■ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai.

Bảng chi tiết dưới đây trình bày dòng tiền của các tài khoản gốc và tiền lãi, dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi.

Tại ngày 01/01/2014	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Tổng
Kh khoản vay của NH TMCP Công Thương Việt N:	887,400,000	6,508,486,960	7,395,886,960
Phải trả người bán và phải trả khác	8,356,671,544		8,356,671,544
Chi phí phải trả	2,694,201,277		2,694,201,277

Tại ngày 30/09/2014	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Tổng
Kh khoản vay của NH TMCP Công Thương Việt N:	6,558,286,960	-	6,558,286,960
Kh khoản vay của cá nhân	500,000,000		500,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	13,782,635,948		13,782,635,948
Chi phí phải trả	2,433,554,525		2,433,554,525

Ban Tổng giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng giám Đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

10/ Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quang trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11/ Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014 được Phó Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 14/11/2014

Hồ chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH DIỄM TRANG



NGUYỄN THANH SƠN